

# Lễ hội liên quan đến nước ở Đông Nam Á

Lê Thị Ngọc Điệp

**Tóm tắt** – Đối với các quốc gia nông nghiệp, cuộc sống của người dân phụ thuộc hoàn toàn vào sự may rủi của thiên nhiên, đặc biệt vào lượng nước, vì vậy nước là một yếu tố thiêng quan trọng. Cư dân Đông Nam Á xem nước - mưa là nhân tố quan trọng quyết định đến mùa màng, đến cuộc sống, đồng thời nước - mưa cũng là biểu hiện lòng từ tâm của trời, của thần linh. Vì vậy cư dân nông nghiệp từ xa xưa đã hình thành những tín ngưỡng nhằm cầu xin sức mạnh của thần linh phù trợ cho con người. Tín ngưỡng ấy được biểu hiện qua những nghi thức, những lễ hội liên quan đến nước, tiêu biểu là lễ hội cầu nước - cầu mưa và cầu tạnh - cầu nắng.

Trên cơ sở mối quan hệ mật thiết giữa môi trường sinh thái và lễ hội, bài viết tập trung nghiên cứu những lễ hội liên quan đến nước ở khu vực Đông Nam Á để góp phần giải mã những nghi thức thiêng trong lễ hội cầu nước - cầu mưa và cầu tạnh - cầu nắng, qua đó thấy được thái độ ứng xử của con người trong mối quan hệ với môi trường tự nhiên của cư dân nông nghiệp lúa nước.

Phương pháp nghiên cứu chủ yếu của bài viết: phương pháp hệ thống - cấu trúc, phương pháp so sánh, phương pháp diễn dịch; lý thuyết tiếp cận của bài viết là lý thuyết sinh thái môi trường và cấu trúc luận.

**Từ khóa** – lễ hội, lễ hội nước, lễ hội cầu tạnh, lễ hội cầu mưa, Đông Nam Á

## 1. DẪN NHẬP

Đông Nam Á nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, lượng mưa nhiều xếp vào hạng cao nhất thế giới với hệ thống sông ngòi dày đặc và hệ thực vật phong phú đa dạng. Theo các cứ liệu lịch sử<sup>1</sup>, trước khi tiếp xúc với hai nền văn hóa Trung Hoa và Ấn Độ, từ thời tiền sử và sơ sử, cư dân Đông Nam Á đã sáng tạo ra một nền văn

hóa độc đáo, khu biệt, có cội nguồn và bản sắc riêng. Đó là phức thể văn hóa của cư dân nông nghiệp lúa nước với ba yếu tố: núi, biển và đồng bằng, trong đó yếu tố đồng bằng giữ vai trò chủ đạo.

Đông Nam Á là một khu vực lịch sử - văn hóa có nền tảng kinh tế nông nghiệp trồng lúa nước, nên đặc trưng văn hóa nói chung và lễ hội Đông Nam Á nói riêng đều được qui định và chi phối bởi nền văn minh nông nghiệp lúa nước. Đối với cư dân ở các quốc gia nông nghiệp, nơi mà kinh tế chủ yếu là trồng lúa thì nước là một yếu tố quan trọng. Cuộc sống của người dân nông nghiệp phụ thuộc hoàn toàn vào sự may rủi của thiên nhiên, đặc biệt vào lượng nước. Trước sức mạnh của thiên nhiên, con người cảm thấy nhỏ bé, bất lực, họ phải cầu xin sự can thiệp của thần linh, của trời đất: “*Lạy trời mưa xuống, lấy nước tôi uống, lấy ruộng tôi cấy, lấy đầy bát cơm, lấy rom đun bếp*”.

Cư dân Đông Nam Á xem nước - mưa là nhân tố quan trọng quyết định đến mùa màng, đến cuộc sống, đồng thời nước - mưa cũng là biểu hiện sự từ tâm của trời, của thần linh đối với người nông nghiệp. Nước đã đi vào đời sống văn hoá và trở thành yếu tố thiêng trong những nghi lễ của cư dân nông nghiệp. Vì vậy cư dân nông nghiệp từ xa xưa đã hình thành những tín ngưỡng nhằm cầu xin sức mạnh của thần linh phù trợ cho con người. Tín ngưỡng ấy được biểu hiện qua những nghi thức, những lễ hội liên quan đến nước, tiêu biểu là lễ hội cầu nước - cầu mưa và cầu tạnh - cầu nắng; đây cũng chính là một dạng thức thể hiện thái độ ứng xử của cư dân nông nghiệp với yếu tố nước.

Phương pháp nghiên cứu chủ yếu của bài viết: phương pháp hệ thống, phương pháp so sánh, phương pháp diễn dịch; lý thuyết tiếp cận của bài viết là lý thuyết sinh thái môi trường, và cấu trúc luận.

- Dựa vào nghiên cứu lịch đại, lý thuyết sinh thái môi trường qua khảo sát các tài liệu thứ cấp, chúng tôi phân tích mối quan hệ mật thiết giữa môi trường sinh thái và lễ hội liên quan đến nước

Received: 15-12-2017, Accepted: 20-8-2018; Published: 30-9-2018

Gabriel F. Y. Tsang, Sun Yat-sen University  
Email: tsangfanyu@hotmail.com

<sup>1</sup> Nguyễn Tấn Đắc, 2003: tr. 12-13

ở khu vực Đông Nam Á nhằm diễn giải lại các mã biểu tượng và phân tích ý nghĩa văn hoá trong lễ hội cầu nước – cầu mưa và cầu tạnh – cầu nắng để hiểu rõ được thái độ ứng xử của con người trong mối quan hệ với môi trường tự nhiên của cư dân nông nghiệp lúa nước.

- Dựa vào lý thuyết cấu trúc luận để xem xét đối ngẫu nhị nguyên trong hệ thống lễ hội nước ở Đông Nam Á, đặc biệt chú trọng đến tính thiêng trong phần lễ.

## 2. KHÁI QUÁT VỀ LỄ HỘI LIÊN QUAN ĐẾN NƯỚC

### 2.1. Lễ hội

Về mặt từ nguyên, *Lễ hội* (礼会) là một từ kép gồm hai phần: *Lễ* mang ý nghĩa tinh thần, tôn giáo, tín ngưỡng, linh thiêng và *Hội* mang ý nghĩa vật chất, đời thường, hòa nhập của cộng đồng; với tư cách là một từ, *lễ hội* được hiểu là một dạng thức sinh hoạt văn hóa, tôn giáo, nghệ thuật truyền thống của một cộng đồng người<sup>2</sup>.

Theo Alessandro Falassi, lễ hội “là một hoạt động kỷ niệm định kỳ bao gồm vô số các hình thức và các sự kiện nghi lễ trực tiếp hoặc gián tiếp tác động đến tất cả các thành viên của một cộng đồng và công khai hoặc ngầm ngầm biểu lộ các giá trị cơ bản, hệ tư tưởng và thể giới quan của thành viên trong cộng đồng đó, và là nền tảng bản sắc xã hội của họ”<sup>3</sup>.

Như vậy, có thể định nghĩa *Lễ hội liên quan đến nước* là loại lễ hội nông nghiệp theo sự chi phối của lịch tiết; là hoạt động định kỳ tổng hòa giữa *lễ* và *hội* của cộng đồng trong một niềm tin tín ngưỡng; ở đó, người ta tiến hành những nghi lễ mang tính cầu xin cùng những hành động ma thuật mang tính mô phỏng như dạng thức có tính biểu trưng và những sinh hoạt cộng đồng liên quan đến yếu tố nước, để thể hiện ý nghĩa của đời sống cộng đồng.

### 2.2. Giả thuyết về dấu ấn lễ hội nước trong văn hóa Đông Nam Á

Trong phạm vi những tài liệu mà chúng tôi bao quát được, giả thuyết về dấu ấn lễ hội nước được thể hiện ở những hình ảnh trên trống đồng, cách thức sử dụng trống đồng trong cộng đồng và các nghi thức hiến tế.

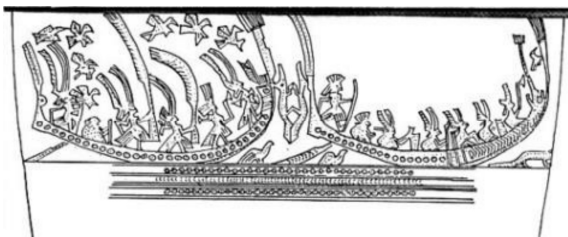
(1) Cư dân Đông Nam Á cổ xem trống đồng là biểu tượng cho sức mạnh cộng đồng, là nhạc cụ

thiêng, là vật trung chuyển ý niệm giữa trời và đất, giữa cuộc sống hiện thực và cõi chết, giữa con người và thần linh. Âm thanh của trống đồng còn là biểu tượng của tiếng sấm gọi mưa trong ngày hội nước. Người xưa cho rằng, tiếng trống sẽ kết nối với trời và đất, tiếng trống vang đến tận trời, thấu đến tận đất bày tỏ lòng thành kính của người dân với cha trời và mẹ đất. Cư dân nông nghiệp tin rằng, khi hạn hán kéo dài, nhiều tiếng trống dồn dập rền vang nối tiếp nhau tạo nên sức mạnh âm thanh tổng hợp như tiếng sấm đầu mùa sẽ đánh thức ông trời, làm ông trời đổ mưa.

Trên trống đồng còn có những khối tượng cóc – biểu hiện cho tín ngưỡng phồn thực, cầu mưa xuống để mùa màng phát triển; người Việt trong dân gian thường quan niệm “con cóc là cậu ông Trời”, cóc nghiêi rãng là báo hiệu trời sắp mưa.

Trong những ngày hội cổ xưa của cư dân nông nghiệp Đông Nam Á, trống đồng chính là biểu hiện cho mưa, cho sấm; trống đồng được sử dụng như một vật giao cảm giữa trời và đất để cầu mưa, cầu nước, mong cho mùa màng phong đăng hòa cốc<sup>4</sup>.

Ở Việt Nam, trên các tang trống đồng Hoàng Hạ, Ngọc Lũ ..., thạp đồng Đào Thịnh dấu ấn lễ hội nước được khắc họa sinh động qua tục bơi chải. Từ xa xưa, tục bơi chải đã được tổ chức phổ rộng ở khu vực Đông Nam Á, tham gia ngày hội là cả một đoàn thuyền độc mộc, mũi cong, đuôi én cùng những tay chèo trong trang phục hóa trang lông chim đang khăn trương, hăng hái trong nhịp chèo. Thuyền nối thuyền, thuyền sau gắng sức lao theo thuyền trước tạo một không khí lễ hội tung bừng náo nhiệt. Những hình ảnh của đoàn thuyền trên tang trống có thể nhận định đây là ngày hội bơi chải cầu nước của cư dân Đông Nam Á cổ<sup>5</sup>.



Hình 1. Hình thuyền trên thân thạp Đào Thịnh [19]

<sup>4</sup> Trần Bình Minh 2000: Những tương đồng giữa các lễ hội cổ truyền Đông Nam Á, tr. 72

<sup>5</sup> Chử Văn Tân 1990: Nguồn gốc và sự phát triển trống đồng ở VN trong quan hệ văn hóa Đông Nam Á, tr. 67

<sup>2</sup> Viện Ngôn ngữ học, 1997: tr. 540

<sup>3</sup> Alessandro Falasi 2005: “Lễ hội”, tr. 131



Hình 2. Hình thuyền trên thân trống Ngọc Lũ [21]

(2) Vào ngày hội mùa, người dân Đông Nam Á thường tổ chức lễ hiến tế trâu, bò cầu mong các đấng siêu nhiên giúp cho mùa màng được bội thu, thì trong ngày hội nước liên quan đến thiên tai, lũ lụt người dân lại tổ chức lễ hiến tế cho thủy thần để cầu mong nước rút. Ngày nay tục hiến tế người không còn tồn tại, chỉ còn dấu tích trong truyện cổ văn hóa dân gian ở Đông Nam Á, có những câu chuyện về người con gái phải đi lấy chồng ở thủy cung do sức ép của thủy thần hoặc người con trai phải hy sinh khi giao chiến với thủy quái.

Dựa trên các công trình nghiên cứu của các nhà khảo cổ học, những giả thuyết đã trình bày, có thể khẳng định đó chính là những dấu tích về lễ hội nước - một trong những tập tục cổ xưa nhất ở Đông Nam Á; qua đó chúng tôi có cơ sở, có cái nhìn khái quát hơn về đời sống tinh thần của cư dân Đông Nam Á cổ trong thể ứng xử với môi trường tự nhiên.

### 2.3. Tính thiêng trong lễ hội nước

Tính thiêng là đặc tính của thế giới tự nhiên bao quanh con người, biểu hiện mối quan hệ giữa con người, cá nhân và thế lực siêu nhiên. Thái độ của con người đối với tính thiêng mang tính hai mặt: một mặt, tính thiêng thể hiện sự biết ơn, sự tôn kính, mặt khác là thái độ sợ hãi trước những sức mạnh đầy bí ẩn. Tính thiêng còn là liệu pháp tâm lý giúp đưa con người đạt đến sự thăng hoa, xuất thần, hướng tới những điều tốt đẹp trong cuộc sống<sup>6</sup>.

Hình thức kinh tế chủ đạo của cư dân Đông Nam Á cổ là làm nông nghiệp lúa nước. Công việc canh tác nông nghiệp hoàn toàn phụ thuộc vào thiên nhiên, nên ngay từ thời kỳ sơ khai, cư dân nơi đây đã hình thành nên tín ngưỡng sùng bái tự nhiên. Họ có ý niệm về sức mạnh của thiên nhiên, bất lực, hoảng sợ trước thiên nhiên, nên con người đã thần thánh hóa các hiện tượng tự nhiên, mong được đấng siêu nhiên che chở, bảo vệ và giúp đỡ trong đời sống lao động.

<sup>6</sup>Lê Thị Ngọc Diệp 2016: tr. 1539

Một trong những yếu tố quan trọng nhất đối với cư dân nông nghiệp là yếu tố nước, có nước mới có sự sống, cây trồng mới phát triển. Cư dân nông nghiệp cúng thần Nước cầu mong thần cung cấp đủ nước dùng cho sản xuất và sinh hoạt. Dấu ấn của yếu tố nước đã in đậm nét trong đời sống sản xuất, đời sống tinh thần, trong sinh hoạt tín ngưỡng tôn giáo của cộng đồng cư dân Đông Nam Á dẫn tới việc ra đời những lễ hội liên quan đến nước như Bounpimay ở Lào, tết Songkran ở Thái Lan, Chol Chnam Thmay ở Campuchia, Thagyan ở Myanmar. “Ở Việt Nam lễ thức cầu nước khá phổ biến trong các lễ hội nông nghiệp cổ truyền vùng văn hóa Bắc Bộ”<sup>7</sup>, có thể kể đến như lễ hội rước nước ở làng Bồng Thượng (Thanh Hóa), lễ rước nước của cư dân ven sông Hồng, lễ cướp bưởi cầu mưa, cướp dừa cầu nước ở Vĩnh Phú, lễ tranh cướp các biểu tượng nước ở chùa Dâu (Bắc Hà)... người Khmer Nam Bộ cũng có tết Chol Chnam Thmay như người Khmer ở Campuchia.

## 3. BIỂU HIỆN CỦA LỄ HỘI LIÊN QUAN ĐẾN NƯỚC Ở KHU VỰC ĐÔNG NAM Á

### 3.1. Lễ hội cầu mưa, cầu nước

“Nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống”, với cây lúa, nước là yếu tố không thể thiếu, nước đem lại sự no đủ, hạnh phúc và may mắn. Vì vậy, khi mùa khô kéo dài, ruộng đồng khô hạn, con người lúc này cần mưa xuống để bước vào vụ mùa mới. Trước nhu cầu thực tiễn đó, hàng loạt các lễ hội đã được tổ chức ở khắp nơi để cầu mưa, cầu nước.

Gần như thống nhất, Tết ở một số các quốc gia ở Đông Nam Á đều vào thời điểm đất trời chuyển mùa, vào giai đoạn chuyển tiếp từ mùa khô sang mùa mưa. Điều này cũng giải thích vì sao các ngày hội nước cũng là tết năm mới ở các nước Đông Nam Á như Lào, Thái Lan, Campuchia, Myanmar, người dân ở đây dùng nước để chúc phúc lẫn nhau. Khi mùa màng thu hoạch xong và chuẩn bị vào vụ mùa mới người dân nơi đây mới vào hội, đón Tết để tổng tiền cái khô nóng và nghênh tiếp nguồn nước mát của mùa mưa. Cùng với việc cầu mưa là cầu cho thời tiết thuận hòa cho mùa màng tốt tươi, cho vạn vật sinh sôi nảy nở.

Tết Chol Chnam Thmay của Campuchia tổ chức trong ba ngày 13, 14 và 15 tháng Mesa (tháng Tư dương lịch), tương tự, tết Song Kran của Thái Lan, tết Bun Pi Mày của Lào và Thagyan

<sup>7</sup> Trần Bình Minh 2000: Những tương đồng giữa các lễ hội cổ truyền Đông Nam Á, tr. 69

của Myanmar đều rơi vào giữa tháng Tư dương lịch. Như vậy, có thể thấy, tính chất chuyển mùa của tết năm mới ở Đông Nam Á thật rõ rệt. Không phải ngẫu nhiên mà tết năm mới ở Thái Lan, Lào, Myanmar được gọi là hội té nước.

Năm mới (Bun Pi Mây) ở Lào còn được gọi là Tết té nước (Bun Hót Nậm), người dân Lào quan niệm té nước đem lại sự thanh khiết cho cuộc sống, tống tiễn những cái cũ cái xấu, mang lại sự phồn vinh cho vạn vật, ấm no hạnh phúc cho con người. “Ý nghĩa quan trọng của té nước là cầu mưa, cầu nước chuẩn bị cho một vụ mùa mới phong đăng hòa cốc”<sup>8</sup>.

Vào ngày tết té nước ở Lào, sau những nghi lễ trang trọng ở chùa, một cô gái bung một chậu nước thơm với nhiều loại hoa trong đó có sẵn vài cành lá nhỏ, các nhà sư dùng cành lá đó, nhúng vào chậu nước vẩy lên những người ngồi xung quanh trong những tiếng hò reo của mọi người. Sau phần nghi lễ này, mọi người ủa ra đường chúc năm mới lẫn nhau bằng những gáo nước lạnh với hy vọng làm trôi đi những xúi quẩy và mang lại hạnh phúc cho năm mới.

Tết của người Myanmar được miêu tả như ngày hội của hoa và nước, đầy tung bừng và náo nhiệt. Hoa tươi rực rỡ trên khắp các nẻo đường, trên tóc, trên ngực, trên áo mọi người. Người dân Myanmar dùng cả những rạp nước trên đường phố, trên quảng trường, họ vui vẻ té nước vào nhau để trôi đi những điềm gở của năm cũ đón nhận một năm mới mọi sự may mắn, tươi mới.

Cũng với mục đích cầu nước, cầu mưa, tết Chol Chnam Thmay của người Campuchia có tập tục đắp núi cát để giữ mây mưa lại, lấy nước tưới cho đồng ruộng. Sau đó là nghi thức tắm cho tượng Phật. Trong gia đình, con cháu tắm cho ông bà, cha mẹ để tỏ lòng biết ơn. Nguồn gốc và mục đích của Tết té nước này chắc chắn không nằm ngoài nhu cầu, ước muốn của cư dân sản xuất nông nghiệp; hơn nữa, việc té nước cầu mưa, cầu mùa còn chuẩn bị về mặt tâm lý, tinh thần cho người nông dân trước khi bước vào vụ mùa mới. Thông thường, sau tết trời bắt đầu đổ mưa, những cơn mưa đầu mùa báo hiệu một vụ gieo cấy, trồng trọt mới với niềm hy vọng mùa màng bội thu.

Ở Indonesia, tết năm mới theo lịch Islam giáo, người dân đem lễ vật và tượng thờ ra sông hoặc biển làm lễ tắm rửa cho tượng thờ, sau đó người dân xin nước về nhà để tẩy uế nhà cửa, vườn tược

và cơ thể đón năm mới. Trong thị trấn, người dân Indonesia tổ chức những đám rước kiệu, ngày cuối tết, họ kéo kiệu đi xuống nước nhằm cầu xin thần nước phù hộ cho mưa thuận, gió hòa<sup>9</sup>.

Ở Philippine, vào những ngày tết cổ truyền, mọi người ra sông hoặc biển tắm với mong muốn nước sẽ rửa sạch mọi điều không may mắn của năm cũ và đem lại nhiều may mắn trong năm mới.

Ở Việt Nam, tết năm mới không diễn ra cùng thời gian với tết của Lào, Thái Lan, Campuchia, Myanmar, mà đón tết vào ngày đầu năm mới. Trước đây, vào tháng tư, người Việt có tết Mưa Đông mục đích để cầu mưa. Sau này, do sự phát triển của hệ thống thủy lợi nên tết Mưa Đông không còn nữa. Trong bối cảnh xây dựng nền văn hoá mới hiện nay, quan niệm về lễ hội cũng có nhiều thay đổi “*Lễ tết, lễ hội mang trong chúng hàng ngàn năm lịch sử, mà chúng cũng chứa nhiều những yếu tố lạc hậu thượng tôn, có khi từ thời nguyên thủy (ma thuật) hoặc thời cổ đại (pháp thuật). Cho nên, một công việc mà ngày nay không thể không làm là lọc bỏ các yếu tố lạc hậu trong mỗi chủng loại lễ tết – lễ hội*”<sup>10</sup>. Môi trường sinh thái chưa thay đổi nhưng lễ hội mưa Đông không còn, đây cũng chính là sự thay đổi văn hoá, lễ hội được thay đổi theo thời gian và thay đổi do điều kiện kinh tế - xã hội phát triển.

Ở vùng văn hóa Tây Bắc, vào khoảng tháng 4, dân tộc Thái vẫn còn tổ chức hội té nước để cầu mưa. Tục té nước của người Thái ở Tây Bắc Việt Nam và Song Kran của Thái Lan nhìn về hình thức và ý nghĩa thể hiện thì giống nhau, té nước vào nhau nhằm mang lại may mắn, hạnh phúc, cầu mong mùa màng tươi tốt; nhưng xét về tính chất, tục té nước của người Thái ở Tây Bắc Việt Nam phần nào mang tính chất nguyên thủy trong khi Song Kran của Thái Lan được phủ lên màu sắc tôn giáo chịu ảnh hưởng của Phật giáo.

Một trong những nghi thức quan trọng của lễ hội liên quan đến nước là lễ rước nước. Ở Việt Nam, tại hội Gióng, Lễ Mật... lễ rước nước diễn ra rất trang trọng, nước được lấy ở giếng làng, cho vào chén sứ đặt trang trọng trên kiệu có lọng che rồi rước về đình. Lễ rước nước là một lễ thức liên quan đến việc cầu mong có đủ nước cho việc đồng áng. Để cầu nước mọi người thường dâng lễ vật cho thần để xin mưa xuống.

Không chỉ cầu mưa, cầu nước từ trời, cư dân Đông Nam Á còn cầu nước ở các sông, hồ...

<sup>8</sup> Ngô Văn Doanh, Vũ Quang Thiện 1993: phong tục độc đáo của Đông Nam Á, tr. 166

<sup>9</sup> Ngô Văn Doanh, Vũ Quang Thiện 1993: Những phong tục độc đáo của Đông Nam Á, tr. 171

<sup>10</sup> Đoàn Văn Chúc 1997: Văn hoá học, tr. 164 - 165

thông qua biểu tượng rồng. Vào dịp lễ hội, các điệu múa rồng có giá trị ý nghĩa tâm linh cao, chuyên tải ý nghĩa cầu mưa, cầu mùa, cầu phúc lộc đến mọi nhà của cư dân nông nghiệp. Trong quan niệm dân gian, rồng là chủ nguồn nước, do đó có tục rước rồng để cầu nước như ở làng Mai Đình (Phú Thọ). Để cầu nước, ngoài những lễ vật, lễ nghi cúng thần, còn có những hình thức trừng phạt, hành hạ bất thần phải chịu khổ để thấu hiểu nỗi khổ của người nông dân khi hạn hán. Đây cũng là một cách thức thể hiện quan điểm dân chủ trong các mối quan hệ ứng xử của cư dân nông nghiệp đối với thánh thần.

Cũng với mục đích cầu mưa, ở Thái Lan tổ chức lễ hội chơi voi và dựng đu. Sau khi cúng thần, người ta đưa hai con voi to khỏe ra sân, người Thái Lan quan niệm, ngà voi chạm vào nhau gây ra tiếng động tượng trưng cho “tiếng sấm gọi mưa”<sup>11</sup>. Sau khi chơi xong, hai người quản tượng trình diễn múa mô phỏng “tiếng sấm” để xin mưa. Theo quan niệm của người Thái, voi trắng xuất hiện ở đâu thì nơi đó sẽ có một vụ mùa bội thu. Xuất phát từ sự tích thần Shiva đang chơi đu cùng vợ thì gặp mưa, từ đó người Thái Lan tổ chức lễ dựng đu để cầu mưa. Thái Lan còn phổ biến về hội đua thuyền rồng, họ cho rằng hạn hán hay mưa lũ thường do các vị chúa sông, chúa suối gây nên và đua thuyền là để tạ ơn các vị thần đã ban phát nước.

Trong các lễ cầu đảo ở Đông Nam Á, vào tháng 6 lịch Lào có hội pháo thăng thiên (Bun Bảng Phay) diễn ra sôi động và tung bùng. Người dân quan niệm đốt pháo thăng thiên để kích thích trời đổ mưa xuống. Cư dân Lào cho rằng, tiếng pháo, lửa pháo là một hình thức mô phỏng mưa; pháo nổ to, bay lên trời khiến cho trời sợ phải cho mưa xuống. Nguồn gốc lễ hội pháo thăng thiên này theo truyền thuyết kể rằng, vào ngày cưới Thao Ka-Tha-Nam và công chúa Chăm Pa, người dân vui mừng đốt pháo thăng thiên ba ngày liền trên đỉnh núi Ghi – Gia – Ku – Ta. Các thần trên trời nghĩ rằng hạ giới phóng lửa để đốt Mờng trời bèn đến cầu cứu thần India. Vị chúa tể của các vị thần bèn tung mưa gió xuống để dập tắt những quả cầu lửa. Từ đấy, khi cầu mưa người ta phóng pháo thăng thiên lên trời để dọa thần.

Cũng quan niệm tiếng pháo nổ như tiếng sấm gọi mưa mà ở làng Đông Kỳ (huyện Tiên Sơn, Bắc Ninh) có hội thi đốt pháo. Pháo đại và pháo

tràng dài được đặt trên mâm vuông, sơn son, phủ vải điều. Vào hội, tiếng pháo đại nổ rầm trời như tiếng sét, còn pháo tràng nổ rền trời kéo dài như tiếng sấm, là một hình thức mô phỏng thiên nhiên cầu xin trời mưa xuống.

Đề tiền cái nóng cái khô, ở người Chăm Việt Nam vào những ngày đầu năm có tổ chức một vũ điệu đập lửa thông qua ông thầy bóng. Mục đích của vũ điệu này là đập đi cái hạn, cái nóng của mùa khô. Sau những vũ điệu đập lửa, ông thầy bóng múa tiếp vũ điệu chèo thuyền để mừng nước, đón nước.

Như vậy, cư dân nông nghiệp Đông Nam Á đã tổ chức khá nhiều lễ hội để cầu mưa, cầu nước. Những lễ hội này mang hình thức mô phỏng các hiện tượng tự nhiên như đốt pháo với tiếng nổ như sấm sét, té nước mô phỏng tiếng mưa rơi ... Những hành vi này thuộc dạng ma thuật giao cảm theo nguyên lý “cái giống nhau sinh ra cái giống nhau”<sup>12</sup>. Ngoài hành động mô phỏng tự nhiên, nhiều nơi còn thực hiện những hành động kích động tự nhiên như đua thuyền khuấy động nước cùng tiếng trống khua, hòa hợp với tiếng nước bắn tung tóe... nhằm yêu cầu thần nước phải là mưa, hay đốt pháo thăng thiên để dọa trời buộc trời phải cho mưa xuống, những hành vi này thuộc hình thức ma thuật ghét bỏ.

### 3.2. Lễ hội cầu tạnh

Vào mùa khô cư dân Đông Nam Á cầu mong nước xuống để mùa màng tươi tốt, nhưng suốt những tháng mùa mưa, ruộng đồng và các dòng sông đều ngập nước, lúc đó lại gây ngập úng cho lúa, cho nên vào thời điểm này, nước lại là mối nguy hiểm đối với mùa màng; đồng thời trong quan niệm dân gian, nước là âm, thuộc tính âm là nơi trú ẩn của nhiều ma lực, dịch bệnh, tai ương, đã đến cư trú cùng con người quá lâu, nên người dân làm lễ cảm ơn nước, tống tiễn nước, cầu mùa sau nước lại trở về tắm mát cho đồng ruộng. Cư dân Đông Nam Á cúng tế cho thần nước, làm cho thần nước vui lòng để mùa sau thần tiếp tục ban phát nước cho ruộng đồng. Để tống tiễn nước, có nhiều lễ hội được tổ chức, trong đó hội đua thuyền là tiêu biểu. Hội đua thuyền được diễn ra vào cuối mùa mưa đầu mùa khô khi mà các dòng sông ngập nước đang rút dần, với sự tham gia của đông đảo mọi người. Hội đua thuyền ở Đông Nam Á thường đi liền với lễ “thả đèn” và “chào trăng”.

<sup>11</sup> Trần Bình Minh 2000: Những tương đồng giữa các lễ hội cổ truyền Đông Nam Á, tr. 71

<sup>12</sup> Ngô Văn Doanh, Vũ Quang Thiện 1993: tr. 196 - 197

Đèn được kết bằng những bè tre, bè chuối được trang trí rực rỡ trên đặt những lễ phẩm. Những chiếc đèn này đợi đến giờ lành được thả trôi theo dòng nước mang theo những lời cầu cho cuộc sống ấm no, hạnh phúc, cho những người đã khuất, đồng thời cũng để cảm ơn thần nước đã đem lại mùa màng tốt tươi và tống tiễn các vị thần nước đi để nhường chỗ cho vị thần ánh sáng và thần khô.

Ở Thái Lan, có lễ Loi Krathong – lễ tạ ơn mẹ nước diễn ra rất sôi nổi vào những đêm trăng tròn tháng mười một âm lịch. “Loi” nghĩa là “thả trôi”, “Krathong” thường được làm bằng lá chuối, có hình con chim hoặc hình thuyền<sup>13</sup>. Người ta đặt nến, hương hoa, một vài đồng xu đôi khi có thêm trầu cau vào Krathong. Vào buổi tối trăng rằm, các bà, các bà mẹ cùng các cô gái mang Krathong đến châm nến rồi thả nhẹ trên mặt nước. Loi Krathong là một lễ nghi nhằm làm vui lòng nữ thần Mẹ Khoong Kha – Mẹ Nước. Loi Krathong được tổ chức hàng năm nhằm dâng lễ vật cho thần nước hoặc cho trôi sông mọi thứ xúi quẩy, rắc rối và tội lỗi có thể giáng xuống đầu con người.

Trong thời gian cuối tháng 10 và tháng 11 âm lịch, dọc con sông Mekong đâu đâu hội đua thuyền cũng diễn ra tưng bừng, náo nhiệt. Thái Lan đua thuyền Rồng, Người Lào có hội đua thuyền Bun Xuông Hư; Campuchia có ngày hội đua thuyền trên sông Tonle Sap. Vào hội, một cảnh tượng hùng tráng diễn ra trước mặt mọi người, hàng trăm mái chèo khuấy động mặt nước, tiếng reo hò, tiếng trống vang dậy khắp mọi nơi. Đêm xuống, hàng trăm đèn lồng với nhiều hình dạng khác nhau được kết theo bè chuối thả trôi sông.

Ở Việt Nam ngày hội đua thuyền tống tiễn nước cũng rất phong phú. Mỗi làng, mỗi vùng quê tổ chức những ngày hội đua thuyền riêng như hội Bạch Hạc (Vĩnh Phú), hội chùa Keo (Thái Bình), hội Trung Kiên (Nghệ Tĩnh), hội làng Đăm (Hà Nội). Đặc biệt hội đua ghe Ngo của đồng bào Khmer ở Sóc Trăng, mỗi ghe ngo từ hai mươi đến bốn mươi tay chèo, mũi ghe được chạm đầu rồng, đầu Niek được sơn màu sặc sỡ với môtip trang trí hình voi, sư tử. Hội đua thuyền này là dấu tích của tục thờ cá sấu, rắn nước – một loại thủy thần – được tổ chức vào ngày Ok Om bok (nuốt cốm

đẹp), được xem là một nghi lễ tống tiễn, cảm ơn thần nước, thần của mùa màng.

Cũng giống như người Khmer ở Campuchia, người Khmer Nam Bộ cũng mừng lễ “chào trăng” Ok Om Bok. Mặt trăng trong quan niệm của người Khmer và nhiều dân tộc Đông Nam Á là biểu tượng âm tính, của âm ướt, của mùa mưa, do đó lễ “chào trăng” mang ý nghĩa tống tiễn mùa mưa đón chào mặt trời, chào đón mùa khô. Trong lễ Ok Om Bok, sau khi cúng bái xong, mọi người lấy cốm, chuối nhét đầy mồm một em bé, người ta hỏi chúng năm nay muốn gì; căn cứ vào những câu trả lời của em bé mà người ta đoán biết được năm đó có thịnh đạt, có được mùa hay không. Lễ “chào trăng” là một nghi thức có tính chất nông nghiệp, việc dứt cốm và chuối vào miệng một em nhỏ là một ma thuật phụ trợ thể hiện lòng mong ước mùa tới sẽ được ăn no đầy bụng, thóc lúa đầy bồ.

Trong phạm vi tư liệu mà chúng tôi khảo sát được, ngoài lễ hội nước của người Khmer ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long, chúng tôi vẫn chưa tìm được lễ hội nước của người Việt ở khu vực này. Đây cũng là một vấn đề chúng tôi đang tìm hiểu và gọi mở cho hướng nghiên cứu mới.

Để cầu tạnh, cầu khô ráo, cư dân Đông Nam Á còn tổ chức hội thả diều, diều tượng trưng cho loài chim, biểu hiện của khô ráo. Theo quan niệm người Khmer, diều tượng trưng sự khô khan, xui xẻo, nên diều rớt xuống phum sóc nào thì phum sóc đó phải làm lễ cúng giải. Trong hội thả diều, sôi nổi nhất là hội đấu diều, giữa diều biểu tượng cho khô hạn (các loài chim) và diều tượng trưng cho các loài thủy tộc (cá, rắn...). Theo quy định, diều đại diện cho phái khô phải thắng diều đại diện cho phái ẩm ướt.

Cũng nằm trong môtip hội cầu tạnh, ở Lào có Bun Thạt Luông với trò chơi “Khi thi”. Trò “Khi thi” của Lào cũng gần giống trò cướp cầu ở Việt Nam. Trò tung cầu, cướp cầu là một trò chơi dân gian trong những ngày hội làng, là biểu tượng của hành động thờ thần mặt trời, cầu nắng, cầu khô. Trong trò chơi cướp cầu, sự di chuyển của quả cầu màu đỏ theo hướng Đông – Tây cho chúng ta liên tưởng đến sự di chuyển của mặt trời mọc ở phương Đông và lặn ở phương Tây; đồng thời cướp cầu – cướp lấy mặt trời – nhằm giành lại ánh sáng, giành lại năng lượng mặt trời cho cây cối sinh sôi nảy nở.

<sup>13</sup> Trần Bình Minh 2000: Những tương đồng giữa các lễ hội cổ truyền Đông Nam Á, tr. 77

## 4. KẾT LUẬN

Trong hệ thống lễ hội liên quan đến nước ở Đông Nam Á, bên cạnh hội cầu mưa còn có hội cầu tạnh, cầu khô ráo, nhằm dung hòa giữa hai yếu tố khô và ẩm, mưa và nắng là hai điều kiện quan trọng cho sự sinh trưởng của của cây lúa. Sự phong phú và đa dạng của lễ hội nước ở Đông Nam Á phần nào đã nói lên được vai trò của nước trong cuộc sống cư dân nông nghiệp. Để thể hiện khát vọng mong muốn có được mùa màng, người nông dân có hội cầu nước, cầu mưa. Nước có khi là người bạn trung thành, thân thiết với con người nhưng đôi khi lại gây nguy hiểm cho cuộc sống buộc con người phải vật lộn, đấu tranh với nó. Bên cạnh hình thức trị thủy, con người tìm đến đời sống tâm linh xin thần nước bảo trợ cho mùa màng, cho cuộc sống. Nước trong vũ trụ của cư dân nông nghiệp là sự biến đổi linh hoạt, mềm dẻo kết hợp với bản tính mềm mại, uyển chuyển dễ thích nghi của cư dân Đông Nam Á đã tạo nên một hệ thống lễ hội liên quan đến nước phong phú.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Alessandro Falasi, Ngô Đức Thịnh – Frank Proschan (chủ biên) 2005: “Lễ hội”, in trong *Folklore – một số thuật ngữ đương đại*, Nxb KHXH, tr. 131 - 153
- [2]. Cao Xuân Phổ 1992: *Hội lễ trong văn hóa ba nước Đông Dương*, Nxb Văn hóa, Hà Nội
- [3]. Chữ Văn Tản 1974, Niên đại trồng Đông Sơn, *Tạp chí Khảo cổ học*, số 9, tr. 106 - 116
- [4]. Chữ Văn Tản 1988, Vấn đề nông nghiệp sớm ở Việt Nam và Đông Nam Á, *Tạp chí Khảo cổ học*, số 3
- [5]. Chữ Văn Tản 1990, Nguồn gốc và sự phát triển trồng đồng ở Việt Nam trong quan hệ với văn hóa Đông Nam Á, *Tạp chí Khảo cổ học*, số 1,2.
- [6]. Đoàn Văn Chúc 1997: *Văn hoá học*, Hà Nội, Nxb. Văn hóa Thông tin
- [7]. Lê Thi 1989, Bun Pi Mây – Hốt Nậm, *Tạp chí Văn hóa dân gian*, số 2
- [8]. Lê Thị Ngọc Điệp 2016, “Tin ngưỡng phồn thực trong sân khấu truyền thống Đông Nam Á”, in trong *Việt Nam và Đông Nam Á trong bối cảnh toàn cầu hóa*. Tập 2 - *Tộc người, văn hóa tộc người, hôn nhân gia đình, kinh tế, du lịch, tôn giáo...*, Nxb ĐHQG TP. HCM, 2017.
- [9]. Lê Trung Vũ 1984, *Thời đại Hùng Vương. Hội – Lễ (Tổng thuật)*, T/c Văn hóa dân gian, số 2.
- [10]. Mai Ngọc Chừ 1998, *Văn hóa Đông Nam Á*, Nxb ĐHQG, Hà Nội
- [11]. Ngô Văn Doanh 1997, *Tết – lễ hội chuyển mùa ở các nước Đông Nam Á*, Nxb ĐHQG, Hà Nội.
- [12]. Ngô Văn Doanh, Vũ Quang Thiện 1993, *Những phong tục độc đáo của Đông Nam Á*, Hà Nội, Nxb. Văn hoá Thông tin.
- [13]. Nguyễn Tấn Đắc 2003, *Văn hoá Đông Nam Á*, Nxb. KHXH, Hà Nội
- [14]. Nguyễn Xuân Nghĩa 1987, Lễ hội nông nghiệp của người Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long, *Tạp chí Văn hóa dân gian*, số 4.
- [15]. Phạm Đức Dương 1992, Lễ hội truyền thống và sinh hoạt dân gian của người Lao Thay ở Lào, *Tạp chí Văn hóa dân gian*, số 2
- [16]. Phya Anunan Rajadhon 1988, *Văn hóa dân gian Thái Lan*, Viện Đông Nam Á, Hà Nội
- [17]. Trần Ngọc Thêm (2001), *Tìm về bản sắc Văn hóa Việt Nam: Cái nhìn hệ thống - loại hình*, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh, Tp. HCM
- [18]. Trần Bình Minh 2000, *Những tương đồng giữa các lễ hội cổ truyền Đông Nam Á*, Hà Nội: Nxb. Văn hóa Thông tin.
- [19]. Trần Lê Túy-Phượng, (2015). Đọt chuối non. Nguồn <https://dotchuoinon.com/2015/07/20/nhac-cu-co-truyen-vn-trong-dong/>.
- [20]. Viện Ngôn ngữ học, 1997: *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng – Trung tâm Từ điển học Hà Nội – Đà Nẵng.
- [21]. Yên Văn Hòa (2016). Văn hóa Nghệ thuật. Nguồn <http://vhnt.org.vn/tin-tuc/van-hoa-co-truyen/29913/hinh-tuong-con-thuyen-tren-trong-dong-va-thap-dong-thoi-dong-son>.

**Lê Thị Ngọc Điệp**, Tiến sĩ Văn hoá học (trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - ĐHQG-HCM) năm 2014. Thạc sĩ Văn hoá học (trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - ĐHQG-HCM) năm 2006. Cử nhân Thư viện – Thông tin học (trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - ĐHQG-HCM) năm 1997. Tham gia giảng dạy tại trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - ĐHQG-HCM từ năm 2008. Lĩnh vực nghiên cứu văn hoá Việt Nam, văn hoá Islam.

# Festival related to water Southeast Asia

Le Thi Ngoc Diep

University of Social sciences and Humanities, VNU-HCM

Corresponding author: [yu.sociology@gmail.com](mailto:yu.sociology@gmail.com)

Received: 15-12-2017; Accepted: 20-08-2018; Published: 30-9-2018

**Abstract**—For agricultural countries, people's lives depend entirely on the chance of nature, especially on water. Water is therefore an important sacred element for the farmer. Southeast Asians see rain - water as the most important factor in their crops, their lives, and water. Rain is also the manifestation of the heart of heaven, of the gods. So far, agricultural peoples have formed beliefs to pray for the power of the gods to support human beings. This belief is expressed through rituals, water-related festivals, typical of the festival praying rain down and pray for the sun.

On the basis of the intimate relationship between the ecological environment and the festival, this article focuses on research festivals related to water

in Southeast Asia to contribute to the deconstruction of sacred rituals during festival. Through rituals during the festival, human behavior can be seen in relation to the natural environment of the rice agriculture farmers.

The main research method of this article: system method - structure, comparison method, interpretation method; Theoretical approach of the paper is ecological theory and structural theory.

**Keywords**—festival, festival related to water, pray rain festival, pray sunny festival, Southeast Asia